

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng
chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ,
đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ**

Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.¹

¹Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;



Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn khoản 3 Điều 28, khoản 5 Điều 29, khoản 7 Điều 30 và khoản 4 Điều 33 của Luật Chuyển giao công nghệ về chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và một số mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

Mẫu Đơn đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

b) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao

1. Định kỳ hằng năm, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Chuyển giao công nghệ gửi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Số liệu báo cáo được lấy từ ngày 15 tháng 12 của năm trước liền kề đến hết ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Đối với trường hợp lần đầu báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao mà thời gian thực hiện hợp đồng chưa đủ 01 năm, bên có trách nhiệm báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này gửi báo cáo vào năm kế tiếp và số liệu báo cáo bao gồm toàn bộ thời gian đã thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ trước đó.

3. Hình thức báo cáo được thể hiện bằng văn bản, bao gồm bản báo cáo giấy và bản báo cáo điện tử:

a) Bản báo cáo giấy phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và đóng dấu theo

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ."

quy định (đối với tổ chức); ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân);

b) Bản báo cáo điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf), phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, nội dung phải thể hiện đúng với bản báo cáo giấy.

4. Phương thức gửi báo cáo

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính bản báo cáo giấy về Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi bản báo cáo điện tử về địa chỉ email: vudtg@most.gov.vn.

Điều 3. Các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư

1. Đối với hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:

a)² Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Mẫu tài liệu giải trình về công nghệ (Mẫu số 02);

c)³ Mẫu văn bản đề nghị cấp phép chuyển giao công nghệ thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Mẫu Giấy phép chuyển giao công nghệ (Mẫu số 04).

2. Mẫu báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao (Mẫu số 05).

3. Đối với hoạt động đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ:

a) Mẫu văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (Mẫu số 06);

b) Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (Mẫu số 07).

Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện⁴

²Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

³Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

⁴Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định như sau:

“Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ giao Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ làm đầu mối triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: **07** /VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ đó.

Điều 22. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."



(Kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Mẫu số 01: Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.
2. Mẫu số 02: Tài liệu giải trình về công nghệ.
3. Mẫu số 03: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.
4. Mẫu số 04: Giấy phép chuyển giao công nghệ.
5. Mẫu số 05: Báo cáo việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.
6. Mẫu số 06: Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ⁵.
7. Mẫu số 07: Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

⁵ Mẫu số 06: Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được thay thế bởi Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 58/2025/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

.....⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽²⁾Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ⁽³⁾ với nội dung chuyển giao như sau:**I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:.....

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:.....

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

II. Nội dung chuyển giao công nghệ

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....⁽³⁾

- Thời hạn chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	<input type="checkbox"/>
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	<input type="checkbox"/>
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	<input type="checkbox"/>
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	<input type="checkbox"/>
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ... + Văn bằng bảo hộ hoặc Sổ đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) + Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

3. Dự kiến sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...).

III. Các văn bản, tài liệu kèm theo.

Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...) của Bên đề nghị	<input type="checkbox"/>
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên đề nghị	<input type="checkbox"/>
Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức	<input type="checkbox"/>
Tài liệu giải trình về công nghệ ⁽⁵⁾	<input type="checkbox"/>
Tài liệu giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật ⁽⁶⁾	<input type="checkbox"/>
Tài liệu về việc phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ⁽⁷⁾	<input type="checkbox"/>
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)	<input type="checkbox"/>

.....⁽¹⁾ thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ⁽³⁾ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được chấp thuận, các bên

tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽⁸⁾

Ghi chú:

-(1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.

-(2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

-(3): Công nghệ đề nghị chấp thuận; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

-(4): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

-(5): Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

-(6): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

-(7): Giải trình rõ các nội dung quy định của pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành, tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng, khí thải, nước thải, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường,....

-(8): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

-Đối với ô trống , nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “✓” vào trong ô trống.

TÀI LIỆU GIẢI TRÌNH VỀ CÔNG NGHỆ

(kèm theo Văn bản đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ)

1. Sự cần thiết phải chuyển giao công nghệ

- a) Phân tích, đánh giá, so sánh về các công nghệ cùng loại hiện đang áp dụng trong nước, trên thế giới, khu vực đối với công nghệ đề nghị chấp thuận.
- b) Nhu cầu chuyển giao công nghệ.

2. Thuyết minh về công nghệ

Thuyết minh về công nghệ thể hiện các nội dung sau:

- a) Tên công nghệ;
- b) Nguồn gốc xuất xứ công nghệ;
- c) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;
- d) Thị trường tiêu thụ sản phẩm (xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);
- đ) Công nghệ đã được kiểm chứng, ứng dụng vào thực tế (tại những quốc gia nào) hoặc chưa được áp dụng;
- e) Nội dung công nghệ chuyển giao:
 - Đối tượng công nghệ chuyển giao;
 - Phạm vi quyền chuyển giao công nghệ.
- g) Sơ đồ, quy trình và thông số kỹ thuật chính của công nghệ;
- h) Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đi kèm (dự kiến danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ);
- i) Các yêu cầu về nhân lực đối với Bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ;
- k) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đối với công nghệ chuyển giao;
- l) Các cơ sở hạ tầng cần thiết trong trường hợp tiếp nhận công nghệ.

3. Dự kiến kết quả chuyển giao công nghệ đạt được

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽¹⁾

Ghi chú:

- (1): Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu và giáp lai các trang của Tài liệu giải trình; trường hợp là cá nhân phải ký tắt vào từng trang của Tài liệu giải trình công nghệ).

.....⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽²⁾Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp phép chuyển giao công nghệ⁽³⁾ với nội dung chuyển giao như sau:**I. Các bên tham gia hợp đồng chuyển giao công nghệ:**

1. Bên giao công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁴⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:.....

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

2. Bên nhận công nghệ:

- Tên (tổ chức, cá nhân):.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:.....

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

II. Nội dung chuyển giao công nghệ:

1. Công nghệ chuyển giao

- Tên công nghệ:.....Lĩnh vực:.....⁽³⁾

- Thời gian thực hiện chuyển giao công nghệ:.....

2. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ



Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	<input type="checkbox"/>
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	<input type="checkbox"/>
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	<input type="checkbox"/>
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: ... + Văn bằng bảo hộ hoặc Sổ đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn) + Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): ... (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

3. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập		<input type="checkbox"/>	
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư	<input type="checkbox"/>	
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư	<input type="checkbox"/>
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có)	<input type="checkbox"/>
	Nhuận quyền thương mại	<input type="checkbox"/>	
	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ	<input type="checkbox"/>	
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập	<input type="checkbox"/>
Theo dự án đầu tư		<input type="checkbox"/>	
Hình thức khác (nếu có) ⁽⁵⁾		<input type="checkbox"/>	

4. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	<input type="checkbox"/>
Đào tạo	<input type="checkbox"/>
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	<input type="checkbox"/>
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào	<input type="checkbox"/>

tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	
Phương thức chuyển giao khác (nếu có) ⁽⁶⁾	<input type="checkbox"/>

5. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		<input type="checkbox"/>
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	<input type="checkbox"/>
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	<input type="checkbox"/>
	Độc quyền sử dụng công nghệ	<input type="checkbox"/>
	Không độc quyền sử dụng công nghệ	<input type="checkbox"/>

6. Giá, phương thức thanh toán

6.1. Giá chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Giá
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ ⁽⁷⁾	
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ	
3	Đào tạo	
3.1	Đào tạo nước ngoài	
3.2	Đào tạo trong nước	
4	Hỗ trợ kỹ thuật	
5	Máy móc, thiết bị	
Tổng:		

6.2. Phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

Trả một lần bằng tiền hoặc hàng hóa	<input type="checkbox"/>	
Trả nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa (số lần	<input type="checkbox"/>	
Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh	<input type="checkbox"/>	
Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần	<input type="checkbox"/>	
Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận	Trước thuế của bên nhận	<input type="checkbox"/>
	Sau thuế của bên nhận	<input type="checkbox"/>

Phương thức thanh toán khác ⁽⁸⁾	<input type="checkbox"/>
--	--------------------------

7. Sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng⁽⁹⁾;
- Tỷ lệ xuất khẩu (nếu xác định được)⁽¹⁰⁾.

IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo:

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt ⁽¹¹⁾	<input type="checkbox"/>
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng (nước ngoài) ⁽¹¹⁾	<input type="checkbox"/>
Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ	<input type="checkbox"/>
Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng hoặc văn bản xác nhận quyền ký kết hợp đồng của người ký hợp đồng (đối với tổ chức); Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu còn thời hạn theo quy định (đối với cá nhân)	<input type="checkbox"/>
Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản thẩm định giá công nghệ được chuyển giao trong trường hợp có sử dụng vốn nhà nước ⁽¹²⁾	<input type="checkbox"/>
Bản sao văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ) các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu có)	<input type="checkbox"/>
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (nếu có)	<input type="checkbox"/>
Danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị (nếu có) kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ	<input type="checkbox"/>
Giải trình về điều kiện sử dụng công nghệ ⁽¹³⁾	<input type="checkbox"/>
Bản gốc giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ)	<input type="checkbox"/>

.....⁽¹⁾ thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ⁽³⁾ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo; cam kết các nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Nếu được cấp phép, các bên

tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽¹⁴⁾

Ghi chú:

-(1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

-(2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

-(3): Công nghệ đề nghị cấp phép; Lĩnh vực công nghệ theo chức năng quản lý của các Bộ, ngành.

-(4): Trường hợp là cá nhân, phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

-(5): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

-(6): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

-(7): Ghi cụ thể giá của từng nội dung chuyển giao công nghệ.

-(8): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức thanh toán theo quy định nào của pháp luật.

-(9): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) dự kiến do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra.

-(10): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm.

-(11): Nộp một trong hai trường hợp, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

-(12): Trường hợp công nghệ được tạo ra bằng vốn nhà nước hoặc sử dụng vốn nhà nước để mua công nghệ.

-(13): Tài liệu giải trình việc đáp ứng điều kiện sử dụng công nghệ theo quy định của pháp luật có liên quan.

-(14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

-Đối với ô trống , nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “✓” vào trong ô trống.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/GP-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 20.....

GIẤY PHÉP
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ của⁽¹⁾ ngày tháng năm
- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ,

CẤP PHÉP CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

1.⁽²⁾ chuyển giao công nghệ cho⁽³⁾ theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ số ngày .../.../.... gồm những nội dung sau:

- a) Tên công nghệ;
- b) Đối tượng công nghệ được chuyển giao;
- c) Phương thức chuyển giao công nghệ;
- d) Hình thức chuyển giao công nghệ;
- đ) Sản phẩm do công nghệ tạo ra;
- e) Thời hạn của hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Trách nhiệm của Bên giao công nghệ:

- a) Trách nhiệm trong chuyển giao công nghệ (gồm đối tượng công nghệ, phương thức chuyển giao) để Bên nhận công nghệ sản xuất được các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã xác định trong Hợp đồng;
- b) Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- c) Trách nhiệm về bảo hành công nghệ được chuyển giao;
- d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).



3. Trách nhiệm của Bên nhận công nghệ:

a) Trách nhiệm trong việc tổ chức tiếp thu và làm chủ công nghệ được chuyển giao trong thời hạn của Hợp đồng;

b) Trách nhiệm trong việc thanh toán giá trị Hợp đồng cho Bên giao;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Trách nhiệm trong việc báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định

5. Trách nhiệm của Bên giao và Bên nhận khi kết thúc Hợp đồng

6. Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng năm

Nơi nhận:

- Bên giao công nghệ;
- Bên nhận công nghệ;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;⁽⁴⁾
- Cơ quan quản lý thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;⁽⁵⁾
- Lưu: VT, DTG,...

BỘ TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

- (2): Bên giao công nghệ.

- (3): Bên nhận công nghệ.

- (4): Nơi ứng dụng công nghệ được chuyển giao.

- (5): Nơi Bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam) hoặc Bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) đặt trụ sở chính (đối với tổ chức) hoặc nơi đăng ký mã số thuế cá nhân (đối với cá nhân).



.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THUỘC DANH MỤC
CÔNG NGHỆ HẠN CHẾ CHUYỂN GIAO**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽²⁾

.....⁽¹⁾ báo cáo việc thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ số ký ngày tháng năm trong thời gian từ ngày tháng năm⁽³⁾ đến 14 tháng 12 năm⁽⁴⁾ như sau:

I. Thông tin chung về công nghệ chuyển giao

1. Bên giao công nghệ: (tên, địa chỉ, thông tin liên hệ)
2. Bên nhận công nghệ: (tên, địa chỉ, thông tin liên hệ)
3. Thời hạn hợp đồng chuyển giao công nghệ
4. Hình thức chuyển giao công nghệ
5. Tên, địa chỉ dự án hoặc tên, địa chỉ nơi ứng dụng công nghệ
6. Giấy phép chuyển giao công nghệ: (tên, số, ngày, tháng, năm cấp, tên cơ quan cấp)
7. Ngày tháng năm bắt đầu sản xuất thương mại ứng dụng công nghệ chuyển giao

II. Tình hình thực hiện chuyển giao công nghệ⁽⁵⁾

1. Về sản phẩm của công nghệ được chuyển giao
 - Số lượng sản phẩm đã sản xuất trong năm báo cáo theo công nghệ được chuyển giao..... đạt (%) so với mục tiêu đề ra.
 - Chất lượng sản phẩm so với quy định trong hợp đồng:
 - +Tỷ lệ phần trăm (%) “Đạt”;
 - +Tỷ lệ phần trăm (%) “Không đạt” (nêu rõ lý do tại sao không đạt).
2. Nội dung công nghệ chuyển giao đã thực hiện
 - 2.1. Đối tượng công nghệ chuyển giao



TT	Nội dung	Theo hợp đồng <i>(có hay không có)</i>	Đã thực hiện <i>(mức độ thực hiện)</i>	Ghi chú
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ			
2	Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu			
3	Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ			
4	Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao			
5	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ: - Tên đối tượng sở hữu trí tuệ: + Văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): (số, ngày cấp, ngày gia hạn) + Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chuyển quyền sử dụng): (số, ngày cấp, ngày gia hạn)			

2.2. Phương thức chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Theo Hợp đồng	Đã thực hiện	Ghi chú
1	Chuyển giao tài liệu về công nghệ	<i>(mô tả các đầu mục tài liệu)</i>	<i>(mô tả các đầu mục tài liệu)</i>	
2	Đào tạo			
2.1	Đào tạo ở nước ngoài			
2.1.1	Cán bộ	<i>(người/ ngày đào tạo)</i>	<i>(người/ ngày đào tạo)</i>	
2.1.2	Kỹ sư	<i>(người/ ngày đào tạo)</i>	<i>(người/ ngày đào tạo)</i>	

2.1.3	Công nhân, nhân viên	(người/ ngày đào tạo)	(người/ ngày đào tạo)	
2.2	Đào tạo trong nước			
2.2.1	Cán bộ	(người/ ngày đào tạo)	(người/ ngày đào tạo)	
2.2.2	Kỹ sư	(người/ ngày đào tạo)	(người/ ngày đào tạo)	
2.2.3	Công nhân, nhân viên	(người/ ngày đào tạo)	(người/ ngày đào tạo)	
3	Hỗ trợ kỹ thuật			
3.1	Số chuyên gia			
3.2	Số ngày làm việc			
4	Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm với công nghệ	("có" hay "không có")	(mức độ thực hiện, tỷ lệ %)	

2.3. Chi phí thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ

TT	Nội dung	Theo hợp đồng (VND) ⁽⁶⁾	Đã thực hiện (VND) ⁽⁶⁾	Ghi chú
1	Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ			
2	Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ ⁽⁷⁾			
3	Đào tạo			
3.1	Đào tạo nước ngoài			
3.2	Đào tạo trong nước			
4	Hỗ trợ kỹ thuật			



5	Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ được chuyển giao			
Tổng				

3. Đánh giá về kết quả thực hiện chuyển giao công nghệ.

4. Các phát sinh liên quan đến chuyển giao công nghệ (nếu có):

Trên đây là báo cáo của⁽¹⁾ về việc thực hiện Hợp đồng chuyển giao công nghệ năm⁽⁴⁾ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾
(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽⁸⁾

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước.

- (2): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (3): Năm trước liền kề năm thực hiện báo cáo.

- (4): Năm thực hiện báo cáo.

- (5): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài không bắt buộc phải báo cáo các nội dung 1, 2.1 và 2.2.

- (6): Trường hợp Hợp đồng chuyển giao công nghệ được thanh toán bằng ngoại tệ thì quy đổi ra Đồng Việt Nam - VND.

- (7): Nêu cụ thể tên, chi phí chuyển giao quyền của từng đối tượng sở hữu trí tuệ được chuyển giao.

- (8): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

.....⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/.....

Tỉnh (thành phố), ngày tháng năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**Kính gửi:⁽²⁾Tên tổ chức, cá nhân:.....⁽¹⁾Địa chỉ:..... Số điện thoại: Email:⁽³⁾Đề nghị⁽²⁾ xem xét, cấp đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ như sau:**I. Các Bên tham gia chuyển giao công nghệ****1. Bên giao công nghệ:**- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁵⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư ... (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

2. Bên nhận công nghệ:- Tên (tổ chức, cá nhân)⁽⁵⁾:.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại (tel):..... Email:

Fax:..... Website:

- Người đại diện:..... Chức danh:.....

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/dự án đầu tư ... (ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, mã số)

⁶ Mẫu số 06: Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được thay thế bởi Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư đề cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung chuyển giao công nghệ⁽⁴⁾

1. Giấy chứng nhận đăng ký số ngày tháng ... năm do(tên cơ quan cấp đăng ký) cấp
2. Tên công nghệ:..... Lĩnh vực:.....
3. Đối tượng công nghệ chuyển giao

Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ	<input type="checkbox"/>
Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu	<input type="checkbox"/>
Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ	<input type="checkbox"/>
Máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chuyển giao	<input type="checkbox"/>
Chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp - Số văn bằng bảo hộ hoặc Số đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ): (số, ngày cấp, ngày gia hạn) - Số Giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: (số, ngày cấp, ngày gia hạn)	Sáng chế <input type="checkbox"/>
	Giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/>
	Kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/>

4. Hình thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao công nghệ độc lập	<input type="checkbox"/>	
Phần chuyển giao công nghệ trong các trường hợp	Dự án đầu tư <input type="checkbox"/>	
	Góp vốn bằng công nghệ	Vào dự án đầu tư <input type="checkbox"/>
		Hình thức khác (ghi tên hình thức khác nếu có) <input type="checkbox"/>
	Nhượng quyền thương mại <input type="checkbox"/>	
	Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ <input type="checkbox"/>	
	Mua bán máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ chuyển giao	Theo hợp đồng mua bán độc lập <input type="checkbox"/>
		Theo dự án đầu tư <input type="checkbox"/>
Hình thức khác (nếu có) ⁽⁶⁾	<input type="checkbox"/>	

5. Phương thức chuyển giao công nghệ

Chuyển giao tài liệu về công nghệ	<input type="checkbox"/>
Đào tạo	<input type="checkbox"/>
Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	<input type="checkbox"/>
Chuyển giao máy móc, thiết bị đi kèm đối tượng công nghệ và theo các phương thức: Chuyển giao tài liệu về công nghệ; đào tạo; cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật	<input type="checkbox"/>
Phương thức chuyển giao khác (nếu có) ⁽⁷⁾	<input type="checkbox"/>

6. Quyền chuyển giao công nghệ

Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ		<input type="checkbox"/>
Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ	Được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	<input type="checkbox"/>
	Không được quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác	<input type="checkbox"/>
	Chuyển giao độc quyền sử dụng công nghệ	<input type="checkbox"/>
	Chuyển giao không độc quyền sử dụng công nghệ	<input type="checkbox"/>

7. Sản phẩm công nghệ tạo ra:

- Tên, ký hiệu sản phẩm;
- Tiêu chuẩn chất lượng (theo TCVN, QCVN, tiêu chuẩn quốc tế,...);
- Sản lượng⁽⁸⁾;
- Tỷ lệ xuất khẩu⁽⁹⁾.

8. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ:

- Giá chuyển giao;
- Phương thức thanh toán;
- Chi phí đã thanh toán đến thời điểm đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

10. Thời hạn còn lại của hợp đồng chuyển giao công nghệ

11. Số lần gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần 1:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung lần ...:

+ Nội dung;

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

III. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

1. Nội dung đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung: Nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

2. Lý do gia hạn, sửa đổi, bổ sung: nêu cụ thể đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung

3. Giá chuyển giao nội dung công nghệ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)⁽¹⁰⁾

V. Các văn bản kèm theo đơn đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt ⁽¹¹⁾	<input type="checkbox"/>
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng (nước ngoài) ⁽¹¹⁾	<input type="checkbox"/>
Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia	

hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng Việt ⁽¹²⁾	<input type="checkbox"/>
Bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ được gia hạn, sửa đổi, bổ sung bằng tiếng (nước ngoài) ⁽¹²⁾	<input type="checkbox"/>
Bản sao chứng thực văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước	<input type="checkbox"/>
Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ)	<input type="checkbox"/>

.....⁽¹⁾ thay mặt các Bên tham gia chuyển giao công nghệ⁽³⁾ xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của các nội dung được nêu trên đây và tài liệu kèm theo. Nếu được⁽¹³⁾, các bên tham gia chuyển giao công nghệ cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

(Chữ ký, tên, chức vụ người ký và đóng dấu)⁽¹⁴⁾

Ghi chú:

- (1): Bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; Bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước; Bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (2): Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (3): Địa chỉ, thông tin liên lạc của (1).

- (4): Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện kê khai thông tin như sau:

+Trường hợp 1: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân đã đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì không bắt buộc phải kê khai thông tin tại Mục này.

+Trường hợp 2: Trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải kê khai đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Mục này.

- (5): Trường hợp là cá nhân phải cung cấp thông tin cá nhân gồm: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) số Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

- (6): Ghi rõ tên hình thức, cơ sở thực hiện hình thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (7): Ghi rõ tên phương thức, cơ sở thực hiện phương thức chuyển giao theo quy định nào của pháp luật.

- (8): Tổng số lượng sản phẩm (đơn vị) do công nghệ được chuyển giao sản xuất ra theo nội dung chuyển giao công nghệ được đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung.

- (9): Tính theo số lượng hoặc giá trị trong một năm (năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc năm trước liền kề năm thực hiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung).

- (10): Trường hợp có thay đổi về giá chuyển giao công nghệ, đề nghị nêu cụ thể giá đối với từng nội dung gia hạn, sửa đổi, bổ sung và phương thức thanh toán tương ứng với mỗi nội dung đó.

- (11): Nộp một trong hai bản, bản dịch công chứng tiếng Việt hoặc bản gốc/bản sao chứng thực hợp đồng bằng tiếng Việt.

- (12): Trong trường hợp trước ngày 01 tháng 7 năm 2018, tổ chức, cá nhân chưa đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đã đăng ký tại cơ quan không phải là cơ quan mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (13): Ghi “gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký gia hạn nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; Ghi “gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ” trong trường hợp đồng thời đăng ký gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

- (14): Trường hợp là cá nhân chỉ cần ký, ghi rõ họ tên.

- Đối với ô trống , nếu có (hoặc đúng) thì đánh dấu “✓” vào trong ô trống.

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Bên giao và bên nhận công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Không được sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Không được cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**